

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HS – PT

Ngày: 12 – 9 – 2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các thẩm phán: Ông Vũ Công Đồng.
Ông Nguyễn Hữu Minh.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2022/TLPT – HS ngày 22 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Đình T do có kháng cáo của bị cáo T đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2022/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Nguyễn Đình T, sinh năm 1964; nơi ĐKKHKT: Xóm T, thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 07/10; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị D (đều đã chết); gia đình bị cáo có 05 chị em, bị cáo là con thứ năm; vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 04/8/2021 đến nay; hiện tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông **Đặng Văn C** - Luật sư Văn phòng Luật sư Ch - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1989

Trú tại: Xóm T, thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Trong vụ án này còn có bị hại các anh Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C1, Đỗ Đăng M và Nguyễn Đình D; 09 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình T, là trưởng thôn Tây Giữa từ năm 2014 đến năm 2019. Đầu năm 2014, Ủy ban nhân dân xã Đại Bái triển khai thực hiện hướng dẫn liên ngành số 04/LN/STNMT-STC-SXD-STP-CT, ngày 20/10/2013 của liên ngành tỉnh Bắc Ninh về việc rà soát, xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những trường hợp giao đất ở không đúng thẩm quyền, đất do lấn chiếm, tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ ngày 01/7/2004 đến 31/12/2012. Quá trình triển khai, xã giao cho các thôn tự rà soát và lập hồ sơ theo hướng dẫn rồi chuyển lên xã để kiểm tra, xác nhận, sau đó toàn bộ hồ sơ sẽ được chuyển lên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện để xem xét. Quá trình thực hiện rà soát các trường hợp theo hướng dẫn, thấy rằng sau trường mầm non tại khu Bãi Mọi còn một diện tích đất thung vũng xen kẹp là đất công ích của địa phương, xã giao cho thôn quản lý, diện tích đất này phù hợp với quy hoạch đất ở theo đúng hướng dẫn số 04 có diện tích 961m² nên Nguyễn Đình T nảy sinh ý định lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên để nếu được cấp sẽ bán lấy tiền chi tiêu cho hoạt động của thôn. T mượn chứng minh thư, sổ hộ khẩu của các hộ các ông Nguyễn Đức Th, là đội trưởng đội sản xuất thôn Tây Giữa; Ông Nguyễn Đình B, là anh trai T; Ông Nguyễn Đình N, là cháu họ của T và bà Nguyễn Thị M1, là thành viên ban chấp hành phụ nữ thôn để lập hồ sơ kê khai, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 04 lô đất trên. Sau đó, T tiến hành lập hồ sơ theo đúng mẫu mà UBND xã cung cấp đối với 04 hồ sơ trên cùng với 44 hồ sơ của cả thôn. Cụ thể, thửa đất số 95, tờ bản đồ số 15, diện tích 200 m², T cho lập hồ sơ mang tên ông Nguyễn Đức Th; Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 15, diện tích 200 m², lập hồ sơ đứng tên ông Nguyễn Đình B; Thửa đất số 97, tờ bản đồ số 15, diện tích 200 m², lập hồ sơ đứng tên bà Nguyễn Thị M1 và Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 15, diện tích 361 m², lập hồ sơ đứng tên ông Nguyễn Đình N. Số lô, thửa của 04 lô đất trên là theo bản đồ thực hiện theo hướng dẫn số 04 của liên ngành tỉnh và được lập vào tháng 5/2014, các phiếu thu và số tiền ghi đối với 04 hộ trên đều là lập khống với mục đích hợp thức hóa hồ sơ. Sau đó 04 hồ sơ trên được nộp cùng với hồ sơ của cả thôn, xóm lên cấp xã để kiểm tra, xác nhận và

được chuyển lên cấp huyện để xét duyệt. Trong khi xét duyệt, tháng 12/2014 có kiến nghị của nhân dân thôn Đại Bái nên UBND xã Đại Bái xin rút một số hồ sơ về để giải quyết kiến nghị, thắc mắc của công dân trong đó có 04 hồ sơ khu Bãi Mọi, theo đó UBND xã Đại Bái phát hiện việc lập hồ sơ 04 lô đất tại khu Bãi Mọi, xóm Tây Giữa, thôn Đại Bái không đúng quy định nên ngày 05/12/2014, UBND xã Đại Bái đã làm việc với Nguyễn Đình T yêu cầu đình chỉ và trả hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 04 hồ sơ mà T mượn tên để lập hồ sơ.

Tháng 04/2018, do cần tiền để xây dựng một số công trình của thôn nên T đã nảy sinh ý định bán 04 lô đất trên, T không tổ chức họp dân, không thông báo hay báo cáo cấp ủy, chính quyền địa phương để xin ý kiến mà tự mình lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 04 lô đất đó cho 04 người gồm các ông: Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C1; Đỗ Đăng M và Nguyễn Đình D với tổng diện tích là 940 m² (theo bản đồ địa chính hiện hành), cụ thể:

- + Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng tên ông Nguyễn Đức Th, bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn C, thửa đất chuyển nhượng số 718, tờ bản đồ số 15, diện tích 240 m², số tiền chuyển nhượng 440.000.000 đồng, thể hiện tại phiếu thu số 03, quyển số 01, lý do nộp để thôn làm sân bóng và khu vui chơi.

- + Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng tên ông Nguyễn Đình B, bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn C1, thửa đất chuyển nhượng số 719, tờ bản đồ số 15, diện tích không thể hiện (theo trích lục bản đồ địa chính xã là 200 m²), số tiền chuyển nhượng 380.000.000 đồng, thể hiện tại phiếu thu số 02, quyển số 01, lý do nộp để thôn làm sân bóng.

- + Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng tên bà Nguyễn Thị M1, bên nhận chuyển nhượng là ông Đỗ Đăng M, thửa đất chuyển nhượng số 720, tờ bản đồ số 15, diện tích 200 m², số tiền chuyển nhượng 380.000.000 đồng; thể hiện tại phiếu thu số 01, quyển số 01, lý do nộp để thôn làm sân bóng và khu vui chơi.

- + Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng tên ông Nguyễn Đình N, bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Đình D, thửa đất chuyển nhượng số 721, tờ bản đồ số 15, diện tích 300 m², số tiền chuyển nhượng 570.000.000 đồng; thể hiện tại phiếu thu số 04, quyển số 01, lý do nộp: thôn làm sân bóng, nhà văn hóa xóm. Thực tế lô đất này ông D và ông Phạm Văn T2 mua chung nhưng hồ sơ lập đứng tên ông D.

Tổng số tiền bán 04 lô đất trên thu được là 1.770.000.000 đồng.

Các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của 04 lô đất trên và các phiếu thu tiền, tại phần người chuyển nhượng và phần thủ quỹ đều do ông T tự ký tên các ông, bà: Nguyễn Đức Th; Nguyễn Đình B; Nguyễn Thị M1; Nguyễn Đình N và ông Hà; phần đại diện chính quyền địa phương cũng do ông T ký với tư cách là trưởng thôn, sau đó đưa cho những người mua đất.

Đối với số tiền đã thu được sau khi bán 04 lô đất trên, ông T không báo cáo với cấp ủy, chi bộ, chính quyền thôn, xã, không nhập quỹ thôn mà dùng số tiền trên tổ chức xây dựng các công trình phúc lợi và chi các hoạt động chung của xóm Tây Giữa, cụ thể:

- Đào sân bóng lần 2 = 266.740.000 đồng;
- Xây dựng nhà văn hóa xóm Áng = 155.950.000 đồng;
- Đặt cống thoát nước ở xóm Tây Giữa = 56.628.000 đồng;
- Làm khu vui chơi; sân bóng = 318.000.000 đồng;
- Xây dựng khu trung tâm văn hóa thôn (Bến Xiềng) = 649.616.000 đồng;
- Làm đường điện ra nghĩa trang: 29.400.000 đồng;
- Xây tường, sân trạm bơm và công thợ = 10.210.000 đồng;
- Rải đá bầy từ trạm bơm ra cầu trắng = 20.930.000 đồng;
- Mua bàn ghế hội trường thôn = 8.600.000 đồng;
- Làm cống qua ông Hình = 10.480.000 đồng;
- Đào bê tông đường xóm = 5.000.000 đồng;
- Chuyển sang quỹ Hợp tác xã = 100.000.000 đồng;
- Thôn chi các hoạt động từ năm 2018 đến tháng 6/2020 là 82.197.000 đồng.

Tổng số tiền đã chi là: 1.713.751.000 đồng, còn lại số tiền 56.249.000 đồng. Tháng 6/2020, ông T bàn giao cho trưởng thôn mới là bà Nguyễn Thị Nh 50.000.000 đồng, còn số tiền 6.249.000 đồng do trong quá trình thanh tra, điều tra nên chưa bàn giao được.

Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị Nh đã đưa lại cho T số tiền 50.000.000 đồng, tiếp đó ngày 20/3/2021 T đã nộp số tiền 56.249.000 đồng cho cơ quan điều tra. Bà Nh xác định không biết bị cáo T bán đất nhưng xác định ông Thuý có đưa tiền cho các tổ chức để xây dựng các công trình phúc lợi của thôn. Về quỹ thôn thì hiện nay không còn và từ khi ông T bị bắt thôn cũng chưa có biện pháp gì để giúp bị cáo T khắc phục hậu quả.

Tại kết luận thanh tra số: 3 ngày 08/01/2021 của UBND huyện Gia Bình và công văn số 340 ngày 07/4/2021 của Phòng Tài nguyên, môi trường huyện Gia Bình xác định hành vi của ông T đã vi phạm Điều 59 Luật Đất đai 2013 về thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Với nội dung trên, bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2022/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Đình T 10 năm tù.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 19/5/2022, bị cáo Nguyễn Đình T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét việc bỏ lọt người phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đình T thay đổi kháng cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và thừa nhận bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ là đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên, hình phạt 10 năm tù đối với bị cáo là quá nặng nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đình Q trình bày sau khi xét xử sơ thẩm anh tự nguyện nộp số tiền 250 triệu đồng vào Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh để khắc phục hậu quả cho bố anh là bị cáo Thuý và gia đình cũng đã bồi thường cho ông Nguyễn Đình D là bị hại trong vụ án số tiền 570 triệu đồng. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Thuý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa cho rằng tại phiên tòa hôm nay bị cáo T có tình tiết giảm nhẹ mới là đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả mà bị cáo đã gây ra nên đề nghị HĐXX xem xét áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình T, đã đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đề nghị xử phạt bị cáo 7 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo, Luật sư Đặng Văn C trình bày:

Về tội danh bị cáo không kháng cáo nên luật sư không có ý kiến gì.

Về hình phạt: Luật sư cho rằng mức hình phạt án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 10 năm tù là quá nghiêm khắc vì trong vụ án này mục đích bị cáo bán đất là để phục vụ lợi ích của địa phương, bị cáo không có tư lợi cá nhân, tiền thu được từ bán đất đều được chi tiêu công khai nhân dân đều được hưởng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo đã bồi

thường khắc phục hậu quả được 820 triệu đồng, nhân dân có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hiện nay bị cáo tuổi đã cao nên đề nghị HĐXX xem xét giảm mức án thấp nhất xử phạt bị cáo khoảng 5 năm tù là phù hợp.

Bị cáo T đồng ý với quan điểm bào chữa của luật sư C, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Đình Q đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không bị khiếu nại. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, bị cáo Nguyễn Đình T có kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về tội danh, điều luật áp dụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Đình T có mặt hoàn toàn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như án sơ thẩm đã quy kết. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Đình T là trưởng thôn Tây Giữa, xã Đại Bái, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh từ năm 2014 đến năm 2019. Năm 2014, xã Đại Bái triển khai thực hiện hướng dẫn liên ngành số 04/LN về việc rà soát, xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những trường hợp giao đất ở không đúng thẩm quyền, đất do lấn, chiếm, tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từ ngày 01/7/2004 đến 31/12/2012. Nguyễn Đình T đã mượn tên các ông bà Nguyễn Đình B, Nguyễn Đức Th, Nguyễn Thị M1, Nguyễn Đình N để lập hồ sơ khống xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 04 thửa đất ở khu Bãi Mọi thôn Tây Giữa, Đại Bái, mục đích nếu được cấp giấy chứng nhận sẽ bán lấy tiền chi tiêu cho thôn. Do bị phát hiện nên Ủy ban nhân dân xã Đại Bái đã lập biên bản yêu cầu đình chỉ, hủy việc lập hồ sơ đối với 04 thửa đất trên. Đến năm 2018, do cần tiền xây dựng các công trình của thôn, mặc dù 04 thửa đất trên đã được yêu cầu hủy việc lập hồ sơ và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Nguyễn Đình T đã không báo cáo cấp ủy, chính quyền địa phương mà tự mình bán 04 thửa đất nói trên cho các ông Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C1, Đỗ Đăng M và Nguyễn Đình D thu số tiền 1.770.000.000 đồng. Số tiền có được, T không nhập quỹ thôn mà sử dụng để chi tiêu cho các công trình của thôn. Do vậy, bản án sơ thẩm đã xét

xử Nguyễn Đình T phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 3 Điều 356 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động quản lý đất đai của Nhà nước, gây mất trật tự quản lý tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình T, lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho T, HĐXX nhận thấy:

Đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Đình T, HĐXX xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, đã bán 04 lô đất trái phép, gây thiệt hại cho các cá nhân tổng cộng 1.770.000.000 đồng, tại cấp sơ thẩm bị cáo chưa khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội có khung hình phạt từ 10 năm đến 15 năm tù nên HĐXX cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên phạt bị cáo 10 năm tù (mức khởi điểm của khung hình phạt) là phù hợp, không nặng. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại là anh Nguyễn Đình D số tiền là 570.000.000 đồng, anh D có giấy xác nhận đã nhận đủ số tiền này và đề nghị Toà án xem xét giảm nhẹ cho bị cáo ở mức thấp nhất. Đồng thời, gia đình bị cáo cũng đã nộp vào Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh số tiền 250.200.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị cáo Thuý. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. HĐXX xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS nên áp dụng Điều 54 xử Dới khung hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Đình Thuý, sửa bản án sơ thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí: Do bị cáo Nguyễn Đình T được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình T, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình T 7 (bảy) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, thời hạn tù tính từ ngày 04/8/2021.

Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Đình T 45 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm để bảo đảm việc thi hành án.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Đình Thuý đã nộp 250.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000546 ngày 07/9/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh và đã bồi thường cho anh Nguyễn Đình D số tiền 570.000.000 đồng.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Nguyễn Đình T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10 – CA tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam – CA tỉnh Bắc Ninh
- CQĐT; VKS; TAND huyện Gia Bình;
- Bị cáo; đương sự (qua đường công văn);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hòa